TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/DS-PT
Ngày: 07/02/2023
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng;

Các Thẩm phán: 1. Ông Phạm Văn Tuyển;

2. Ông Nguyễn Huyền Cường.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Tùng – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực tuyến (số IV) – Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Điểm cầu thành phần: Phòng xét xử trực tuyến – Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 302/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc "*Tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST, ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 548/2023/QĐ-PT, ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Trần Xuân T; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thu T1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

**** Bị đơn:*** Anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N; cùng địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị T2; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải

Phòng; vắng mặt.

2. Chị Trần Thị T3; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Chị Trần Thị M; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

4. Chị Trần Thị M1; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

5. Anh Trần Văn D; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

6. Ông Trần Trọng T4; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

7. Bà Trần Thị G; địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

8. Bà Trần Thị G1; địa chỉ: Xóm 6, Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

9. Ông Trần Văn S; địa chỉ: Xóm 6, Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

10. Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Bố mẹ ông Trần Xuân T là cụ Trần Văn G2 (chết năm 1995) và cụ Bùi Thị T5 (chết năm 1981) có 06 người con:

1. Ông Trần Văn D1 (chết năm 2016), vợ của ông D1 là bà Nguyễn Thị T2, các con của ông D1 là chị Trần Thị T3, chị Trần Thị M, chị Trần Thị M1, anh Trần Văn V, anh Trần Văn D. Ông D1 không có con nuôi, con riêng nào khác.

2. Ông Trần Xuân T;

3. Ông Trần Trọng T4;

4. Bà Trần Thị G;

5. Bà Trần Thị G1;

6. Ông Trần Văn S;

Hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác.

Quá trình chung sống, cụ Trần Văn G2 và cụ Bùi Thị T5 tạo dựng được mảnh đất có diện tích đất 380m^2 tại Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng. Trước khi chết hai cụ chưa tặng cho ai quyền sử dụng đất và khi chết hai cụ không để

lại di chúc. Thời điểm hai cụ còn sống diện tích đất trên do ông Trần Văn S quản lý và sinh hoạt sử dụng.

Năm 1996, ông S lấy vợ ra ở riêng, giao quyền trông coi đất cho anh trai là ông Trần Văn D1.

Năm 1997, ông Trần Văn D1 tự ý làm bìa đỏ đất ở của cụ G2 và cụ T5 sang tên Trần Văn D1 mà không được sự đồng ý của 05 em.

Năm 2013, ông Trần Văn D1 tự ý xây nhà cho con trai là Trần Văn V. Ông T4 và ông S phát hiện ông D1 xây móng nhà đã ngăn chặn chờ ông T về giải quyết nhưng bị đuổi khỏi đất của cụ G2.

Tháng 5 năm 2017, ông T về thửa đất trên để họp với các anh em trong gia đình xây nhà thờ trên diện tích 180m^2 đất vườn nhưng gia đình bà Nguyễn Thị T2, anh Trần Văn V và các con của ông D1 không đồng ý và ngăn cản, không cho các anh em ông bà xây. Từ lúc đó, gia đình ông bà mới biết việc Ủy ban nhân dân (UBND) huyện V, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) cho anh Trần Văn V đối với diện tích 380m^2 tại Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng. Qua quá trình tìm hiểu, ông bà mới biết anh V đã làm thủ tục cấp GCNQSD đất nhưng không hỏi ý kiến của những người trong gia đình. Tại đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất ngày 15/02/2017 của anh Trần Văn V, có chữ ký của ông Trần Văn S là đại diện con trai cụ G2 và các chữ ký của bà Nguyễn Thị T2, ông Trần Xuân T, ông Trần Văn T6, ông Trần Văn S, bà Trần Thị G, Trần Thị G1 nhưng ông S khẳng định tại tờ đầu tiền của đơn trên không phải là chữ ký của ông. Còn các chữ ký đằng sau tờ đơn của những ông bà nêu tên trên là chữ ký ông T đưa cho các anh em trong gia đình ký sẵn, cho mỗi người một tờ để có việc thì dùng. Ông S không bán đất cho ông D1. Thực tế, ông S chỉ nhờ ông D1 trông nom diện tích đất trên. Ông S chỉ bán hoa màu trên đất, 01 bức tường vây phía nam giáp nhà cụ Nguyễn Văn Ngọ, 02 gian chuồng lợn, 01 gian nhà vệ sinh, 04 thước vườn ông S mua của hợp tác xã, 01 ao màu thả cá cho ông D1 với giá 3.000.000 đồng chứ không phải bán đất. Diện tích đất 380m^2 trên là di sản thừa kế mà cụ G2 để lại cho các con của cụ. Do vậy, việc UBND huyện V cấp GCNQSD đất cho anh Trần Văn V là không đúng theo quy định của pháp luật.

Ông T khởi kiện yêu cầu:

1. Chia thừa kế tài sản đối với diện tích 380m^2 tại Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng cho 06 người con của cụ G2 (G3) và cụ T5, gồm ông Trần Văn D1, ông Trần Xuân T, ông Trần Văn T6, ông Trần Văn S, bà Trần Thị G, Trần Thị G1 theo pháp luật. Phần thừa kế của ông Trần Xuân T, ông Trần Văn T6, ông Trần Văn S, bà Trần Thị G, Trần Thị G1 sẽ gộp chung vào một thửa, còn phần thừa kế của ông D1 thì hàng thừa kế của ông D1 được nhận riêng.

2. Hủy GCNQSD đất của UBND huyện V, thành phố Hải Phòng cấp cho anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N đối với diện tích 380m^2 tại Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn là anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N trình bày:

Thống nhất với ông T về quan hệ huyết thống của cụ Trần Văn G2 (G2) và cụ Bùi Thị T5.

Diện tích đất 380m^2 tại Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng là của cụ G2 và cụ T5. Sau đó, cụ G2 và cụ T5 cho ông Trần Văn S là con út trong gia đình sinh sống trên diện tích đất đó. Việc hai cụ cho ông S trong gia đình mọi người đều đồng ý, không ai có ý kiến gì. Đến năm 1997, ông Trần Văn D1 đã mua lại diện tích đất 380m^2 từ ông S với giá 3.000.000 đồng. Năm 1997, ông Trần Văn D1 làm GCNQSD đất mang tên ông Trần Văn D1 và bà Nguyễn Thị T2. Tại GCNQSD đất số 05 ngày 12/12/1997 đã ghi rõ: Tổng diện tích đất là 1.154m^2; trong đó, đất vườn ao là 200m^2, đất ở lâu dài 260m^2, 380m^2 đất vườn, 280m^2 đất ao đấu thầu thời hạn 20 năm, 34m^2 đất ao riêng.

Đến năm 2013, trước khi tặng cho diện tích đất nói trên cho anh V, anh D (là con của ông D1), ông D1 đã mời ông Trần Văn D1, ông Trần Xuân T, ông Trần Trọng T4, bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1, ông Trần Văn S để thông báo về việc tặng chuyển nhượng diện tích đất cho hai con trai. Các cô chú cũng đã ký văn bản về việc đồng ý cho anh V làm GCNQSD đất và làm nhà ở trên thửa đất số 581 tờ bản đồ số 05, diện tích sử dụng 380m^2 thể hiện tại tờ đơn xin xác nhận GCNQSD đất gửi UBND xã C, huyện V, Hải Phòng. Tất cả sáu anh em thống nhất, đồng ý với nội dung trong đơn và kí xác nhận (gửi kèm theo) và có sự chứng kiến, xác nhận của địa phương lúc đó là anh Bí thư chi bộ Phạm Đình L và ông Chủ tịch xã Đoàn Văn T7.

Ngày 02/12/2017, bà Nguyễn Thị T2 đã tặng cho toàn bộ diện tích đất trên cho anh Trần Văn V, vợ là Bùi Thị N và anh Trần Văn D, vợ là Vũ Thị L1. Phần của vợ chồng anh Trần Văn V là thửa đất số 581 tờ bản đồ số 05, diện tích sử dụng 380m^2, còn lại là của anh D. Sau đó, vợ chồng anh V đã làm thủ tục cấp GCNQSD đất đối với diện tích 380m^2, thửa số 581, tờ bản đồ số 05, địa chỉ tại Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng và được UBND huyện V cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất nêu trên.

Do vậy, việc cấp GCNQSD đất và việc sở hữu, sử dụng đối với thửa dất số 581 tờ bản đồ số 05, diện tích sử dụng 380m tại Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng của anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N là đúng quy định của pháp luật. Anh V và chị N không đồng ý với việc nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế và hủy GCNQSD đất của UBND huyện V cấp cho anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N. Trường hợp phải chia thừa kế đối với diện tích 380m^2 nêu trên, anh V và chị N yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho hàng thừa kế của cụ G2 và cụ T5. Phần tài sản thừa kế được hưởng yêu cầu Tòa án phân chia thành 01 thửa riêng cho hàng thừa kế của ông D1, không chung với phần thừa kế của ông T, Ông T4, ông S, bà G1, bà G. Chị N và anh V yêu cầu được chia hiện vật là đất và công sức của vợ chồng chị đóng góp trên diện tích đất 380m^2. Tài sản xây dựng trên đất là của vợ chồng chị N và anh V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Năm 1971, bà T2 kết hôn với ông D1 và về ở trên diện tích đất 380m^2, lúc này có ông S đang ở trên diện tích đất này. Năm 1972, vợ chồng bà T2 ra ngoài ở, còn cụ G2 và cụ T5 ở trên diện tích 380m^2 cùng ông S. Sau khi cụ G2 chết. Năm 1994 đến năm 1997, ông S không có nhu cầu sử dụng diện tích 380m^2 đất nói trên nữa nên đã lên tiếng muốn bán lại cho ông Bùi Văn Huyền vợ là bà Liên cùng xóm ngõ. Ông Trần Trọng T4 sang nói chuyện với ông Trần Văn D1 rằng ông Trần Văn S muốn bán đất của ông cha để lại và muốn ông Trần Văn D1 mua lại mảnh đất đó sau này làm nơi thờ cúng vì ông Trần Văn D1 là con trưởng. Ông D1 lúc đó không có tiền nên vì muốn giữ lại đất của cha ông mà ông Trần Văn D1 đã nhượng lại mảnh đất khác ở gần đó cho ông Trần Trọng T4 để lấy tiền mua lại mảnh đất 380m² của ông S đang chuẩn bị bán cho người ngoài. Việc chuyển nhượng diện tích 380m^2 đất giữa ông D1 và ông S như thế nào, bà T2 không biết. Ông D1 là người đưa tiền cho ông S. Việc chuyển nhượng đất giữa ông S và ông D1 không có giấy tờ, văn bản nào mà chỉ chuyển nhượng bằng miệng. Các cô chú khác đều sinh sống gần đó và biết được việc này cũng không có ý kiến gì về việc ông Trần Văn D1 đứng tên diện tích đất này. Ngày 02/12/2017, bà Nguyễn Thị T2 đã tặng cho toàn bộ diện tích đất trên cho anh Trần Văn V, vợ là Bùi Thị N và anh Trần Văn D, vợ là Vũ Thị L1. Phần của vợ chồng anh Trần Văn V là thửa đất số 581 tờ bản đồ số 05, diện tích sử dụng 380m^2. Sau đó, vợ chồng anh V đã làm GCNQSD đất đối với diện tích nêu trên.

Do vậy, việc UBND huyện V cấp GCNQSD đất và việc sở hữu, sử dụng đối với thửa dất số 581 tờ bản đồ số 05, diện tích sử dụng 380m^2 tại Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng cho anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N là đúng quy định của pháp luật. Bà T2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện ông Trần Văn Thu về việc hủy GCNQSD đất và chia thừa kế tài sản.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Trọng T4 trình bày:

Năm 2013, ông D1 và ông S có mâu thuẫn với nhau về đất cát. Ông D1 có nói với các anh em (không có ông T), có bà T2 được nghe là ông D1 mua hoa màu gồm ao, rau xanh và bờ tường xây của ông S với giá 03 triệu, còn đất là của các cụ. Ông D1 nói xây nhà thờ cho các cụ và để cháu Vinh ở và thờ cúng. Ông T4, bà G, ông S góp tiền thêm cho ông D1 để xây nhà thờ (hiện là nhà anh V đang ở). Khi ông D1 làm thủ tục cấp GCNQSD đất 1.204m^2 bao gồm của diện tích 380m^2 của cụ G2 và cụ T5, các anh em không ai biết. Khi ông D1 chết, các anh em Ông T4 mới biết về việc ông D1, anh V, anh D được cấp GCNQSD đất.

Ông T4 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1 trình bày:

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T và quan điểm của ông Trần Trọng T4.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn S trình bày :

Nguồn gốc diện tích 380m^2 là của cụ G2 và cụ T5. Ông S là con út nên ở cùng với bố mẹ trên mảnh đất này. Năm 1997, ông S có ý định bán đất cho người hàng xóm gần nhà tuy nhiên các anh em trong gia đình không đồng ý nên ông S không bán cho người hàng xóm. Ông D1 nói với ông S, nếu đất chú không ở thì để lại đất của các cụ làm nhà thờ. Do ông D1 nói vậy nên ông S không bán đất của bố mẹ mà chỉ bán hoa màu trên đất, 01 bức tường vây phía nam, 02 gian chuồng lợn, 01 gian nhà vệ sinh, 04 thước vườn ông S mua của hợp tác xã, 01 ao thả cá cho ông D1 với giá 03 triệu. Trên sổ mục kê ghi tên ông S là chủ sử dụng diện tích đất 380m^2 vì ông S ở với cụ T5 và cụ G2 từ bé. Khi UBND xã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đã ghi tên ông S. Tuy hai cụ cho ông S diện tích nêu trên bằng miệng và được các anh em đồng ý nhưng ông S không nhận và yêu cầu xác định diện tích đất 380m^2 là của bố mẹ ông để lại. Năm 2017, ông T về họp gia đình để xây nhà thờ nhưng bà T2, anh V và các con của ông D1 không đồng ý, ngăn cản. Lúc đó, gia đình mới biết UBND huyện V cấp GCNQSD đất cho Vinh đối với diện tích 380m^2 mà không hỏi ý kiến của những người trong gia đình. Tại đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất ngày 15/02/2017 của anh V có chữ ký của ông S là đại diện con trai cụ G2 và các chữ ký của bà T2, ông T, Ông T4, ông S, bà G, bà G1. Ông S khẳng định tại tờ đầu tiên của trang trên không phải là chữ ký của ông S. Các chữ ký đằng sau tờ đơn là do ông T đưa cho các anh em ký sẵn, cho mỗi người một tờ để có việc thì dùng. Những người trên không xác nhận vào đơn của anh V. Ông S đồng ý với quan điểm của Ông T4 và yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T2, chị Trần Thị M, chị Trần Thị T3, anh Trần Văn D trình bày: Không đồng ý với việc nguyên đơn yêu cầu hủy GCNQSD đất của UBND huyện V cấp cho anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N. Nếu phải chia thừa kế đối với diện tích 380m^2 nêu trên, bà Nguyễn Thị T2, chị Trần Thị M, chị Trần Thị T3, anh Trần Văn D yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho hàng thừa kế của cụ G2 và cụ T5. Phần của bà Nguyễn Thị T2, chị Trần Thị M, chị Trần Thị T3, anh Trần Văn D sẽ giao cho anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N được quản lý, sử dụng.

Kết quả định giá tài sản: Giá trao đổi tại thị trường của thửa đất số 581 tờ bản đồ 05, địa chỉ Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng là 1.700.000đồng/m^2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào 5 Điều 26; Điều 34; Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; điểm c khoản 2 Điều 618; Điều 688 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T về việc chia thừa kế

diện tích đất 380m^2 tại thửa đất số 581 tờ bản đồ 05, địa chỉ Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00346 ngày 08/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng cấp cho anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N.

Anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N được quyền sử dụng, quản lý diện tích đất 108,4m^2 tại thửa đất số 581, tờ bản đồ 05, địa chỉ Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng có các mốc giới 1-2-3-10-11-12-1 và một phần ngôi nhà ngang cùng các tài sản khác có trên diện tích đất này (có sơ đồ kèm theo bản án).

Ông Trần Xuân T, ông Trần Trọng T4, bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1, ông Trần Văn S được quyền sử dụng, quản lý diện tích đất 271,6m^2 số thửa 581 tờ bản đồ 05, địa chỉ Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng có các mốc giới 3-4-5-6-7-8-9-10-3 cùng một ngôi nhà 01 tầng, bếp, nhà vệ sinh, một phần nhà ngang, lán lợp tôn kim loại trên diện tích đất này (có sơ đồ kèm theo bản án).

Ông Trần Xuân T, ông Trần Trọng T4, bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1, ông Trần Văn S có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N là 533.900.000đ (năm trăm ba mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N có trách nhiệm giao lại diện tích đất 271,6m^2 số thửa 581 tờ bản đồ 05, địa chỉ Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng cùng ngôi nhà 01 tầng, bếp, nhà vệ sinh, một phần nhà ngang, lán lợp tôn kim loại trên diện tích đất này cho ông Trần Xuân T, ông Trần Trọng T4, bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1, ông Trần Văn S quản lý, sử dụng.

Ông Trần Xuân T, ông Trần Trọng T4, bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1, ông Trần Văn S, anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N có trách nhiệm liên hệ với Ủy ban nhân dân huyện V, Hải Phòng để thực hiện việc đăng ký lại quyền sử dụng đất tại thửa 581 tờ bản đồ 05, địa chỉ Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng.

Ủy ban nhân dân huyện V có trách nhiệm đăng ký lại quyền sử dụng tại thửa 581 tờ bản đồ 05, địa chỉ Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng cho ông Trần Xuân T, ông Trần Trọng T4, bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1, ông Trần Văn S, anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N khi họ có yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2021 nguyên đơn là ông Trần Xuân T có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không nhận phần đất có tài sản trên đất; phần công sức quản lý trông nom đất của bị đơn được thanh

toán bằng tiền không phải bằng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên những ý kiến như đã trình bày tại Tòa án sơ thẩm và bổ sung như sau:

- Đại diện nguyên đơn đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét lại để sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận tính phần công sức của ông D1, bà T2 bằng 01 suất đất; đề nghị chia di sản làm 06 phần và không nhận phần đất đã có nhà. Ông Trần Văn S sẽ thanh toán phần công sức của ông D1, bà T2 bằng tiền của mình.

- Đại diện bị đơn vẫn giữ ý kiến trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa bác kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên cách chia của bản án sơ thẩm và tự nguyện giảm giá trị tài sản xuống, chỉ yêu cầu nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Trọng T4, bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1, ông Trần Văn S có trách nhiệm thanh toán là 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Trọng T4, bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1, ông Trần Văn S đồng ý với ý kiến của nguyên đơn, đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Ông Trần Văn S không đồng ý thanh toán phần công sức của ông D1, bà T2 bằng tiền của mình.

Tại phần tranh luận:

Nguyên đơn không đồng ý với cách chia của Tòa án cấp sơ thẩm về công sức duy trì, tôn tạo đất của ông D1, bà T2 bằng 01 suất đất nhưng không đưa ra mức yêu cầu cụ thể; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Bị đơn đồng ý cách chia của cấp sơ thẩm; đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn nhưng tự nguyện giảm yêu cầu giá trị thanh toán còn là 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí ý kiến của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho các bên hòa giải tại phiên tòa, các bên được trình bày ý kiến công khai, tranh luận một cách dân chủ, thành phần Hội đồng xét xử và phạm vi xét xử phúc thẩm đúng quy định của pháp luật. Về quan hệ pháp luật, Tòa án sơ thẩm xác định đây là tranh chấp di sản thừa kế và hủy GCNQSD đất là chính xác.

Xét kháng cáo của đương sự: Nhà đất đang tranh chấp là 380m^2 đất thửa 581, tờ bản đồ số 5 là của cụ Trần Văn G2 và Bùi Thị T5 để lại. Ông Trần Văn S được cụ D1 và các anh em trong gia đình đồng ý cho ông S quản lý và sử dụng. Việc ông S có chuyển nhượng lại diện tích đất trên cho ông D1 hay không thì không có tài liệu nào thể hiện việc chuyển nhượng được lưu ở UBND xã. Ông S người được cụ D1 và các anh em trong gia đình đồng ý để quản lý sử dụng thửa đất trên, tuy nhiên việc cho chỉ nói bằng miệng không có tài liệu giấy tờ về việc

cho đất đó. Ông S cũng đồng ý chia di sản thừa kế của hai cụ để lại. Vì vây, xác định diện tích đất 380m^2, thửa 581, tờ bản đồ số 5 tại Thôn H là di sản thừa kế của cụ D1, cụ T5 để lại chia cho 06 người con, ông D1 đã chết, vợ và các con ông D1 được nhận phần thừa kế của ông D1, tính công sức giữ gìn tôn tạo cho ông D1 bằng một suất thừa kế. Hiện nay trên diện tích đất này có nhà xây kiên cố do vợ chồng anh V đang sử dụng, được bố anh V xây dựng để làm nhà ở và nơi thờ cúng các cụ; trong quá trình giải quyết vụ án anh V cũng không muốn ở căn nhà này nữa và phần diện tích của các đồng thừa kế được nhận là ông T, Ông T4, ông S, bà G1, bà G có diện tích lớn nên cần giao căn nhà đó cho các ông bà trên. Các ông bà có trách nhiệm thanh toán tiền cho anh V chị N về tài sản trên đất. Giao phần đất có căn nhà ngang cho anh V chị N quản lý sử dụng. Theo các tài liệu quản lý theo dõi sổ sách từ năm 1993 còn lưu giữ tại cơ quan có thẩm quyền thì thửa số 581, tờ bản đồ số 5 có diện tích 380m^2 mang tên ông Trần Văn S. Năm 1997, được cấp GCNQSD đất mang tên ông Trần Văn D1, đến năm 2017, sang tên anh Trần Văn V. Xác định đây là đất di sản phải chia lại cho các con cụ G2 nên cần hủy GCNQSD đất đã cấp cho anh V, chị N để chia theo thực tế. Theo quyết định của bản án sơ thẩm thì ông T, Ông T4, ông S, bà G1, bà G có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho anh V, chị N là 533.900.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn anh V, chị N tự nguyện giảm số tiền mà anh V, chị N được nguyên đơn và Ông T4, ông S, bà G1, bà G có trách nhiệm thanh toán còn 450.000.000 đồng.

Từ những viện dẫn và phân tích nêu trên, đề nghị áp dụng khoản 1, 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn để sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử thấy:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp của các bên là tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy GCNQSD đất. Theo quy định của pháp luật thời hiệu khởi kiện chia thừa kế vẫn còn và di sản được chia theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế.

Đơn kháng cáo của ông Trần Xuân T được gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo.

Về nội dung vụ án:

[2] Theo tài liệu của hồ sơ vụ án, về nguồn gốc diện tích đất 380m^2 tại Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng là tài sản của cụ Trần Văn G2 (G3) và Bùi Thị T5 và không tranh chấp về hàng thừa kế. Lời khai của các đương sự phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do tòa án thu thập được xác định nguồn gốc đất

đang tranh chấp là của cụ G2 và cụ T5.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh V, chị N, bà T2, chị M, chị M1, anh D đồng ý chia tài sản thừa kế theo pháp luật và yêu cầu chia thành 07 suất thừa kế để thanh toán cho ông D1, bà T2 một suất thừa kế về chi phí bảo quản tài sản. Bà T2 và những người con khác của ông D1 đồng ý với ý kiến của anh V, chị N, phần tài sản thừa kế của họ được hưởng đề nghị giao cho vợ chồng anh V, chị N được quản lý, sử dụng nên cần chấp nhận nguyện vọng của họ. Xét thấy yêu cầu của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Về hàng thừa kế của cụ G2 và cụ T5 có: Ông Trần Văn D1, ông Trần Xuân T, ông Trần Trọng T4, bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1, ông Trần Văn S, các đương sự đều thống nhất. Ông D1 chết năm 2016 nên hàng thừa kế của ông D1 được nhận phần tài sản thừa kế của ông D1 theo Điều 613 của Bộ luật Dân sự.

Tại cấp sơ thẩm tài sản thừa kế được chia như sau: Diện tích đất 380m^2 được chia thành 07 phần (380 : 7 = 54,2m^2). Hàng thừa kế của ông D1 thống nhất giao tài sản thừa kế được nhận cho anh V, chị N quản lý, sử dụng nên anh V, chị N được nhận tài sản thừa kế là 54,2m^2 x 2 = 108,4m^2 (có giá trị 108,4m^2 x 1.700.000 đồng = 184.280.000 đồng). Ông T, Ông T4, bà G, bà G1, ông S được nhận mỗi người 54,2m^2 (có giá trị 54,2m^2 x 1.700.000 đồng = 92.140.000 đồng) và thống nhất được giao chung vào một thửa ghi tên chung nên diện tích đất này được giao chung vào một thửa cho ông T, Ông T4, bà G, bà G1, ông S. Nguyên đơn, bị đơn và các đương sự khác thống nhất với bản án sơ thẩm về hàng thừa kế, giá trị di sản thừa kế và kỷ phần thừa kế.

Ông Trần Văn S tại phiên tòa phúc thẩm không đồng ý thanh toán phần công sức của ông D1, bà T2 bằng tiền riêng của mình. Tại cấp phúc thẩm, phía nguyên đơn không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới khác so với cấp sơ thẩm để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình về việc không chấp nhận tính công sức cho ông D1 và bà T2. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định công sức duy trì, quản lý di sản cho ông D1 và bà T2 bằng một suất thừa kế bằng quyền sử dụng đất là phù hợp. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để tính công sức duy trì, quản lý di sản cho ông D1 và bà T2 bằng tiền như nguyên đơn kháng cáo đề nghị.

Về ý kiến của nguyên đơn không nhận phần đất có tài sản trên đất, thấy rằng:

Trong trường hợp giả thiết nếu giao ngôi nhà cho bị đơn thì diện tích sử dụng đất lại tăng lên vượt quá nhiều kỷ phần thừa kế phía bị đơn được hưởng. Và trên phần đất trống nếu giả thiết các đương sự muốn làm nơi thờ cúng thì cũng phải đóng góp kinh phí xây dựng ngôi nhà mới khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao diện tích đất 271,6m^2 trên toàn bộ diện tích 380m^2 đất di sản thừa kế có gian nhà ở cùng khu bếp, nhà vệ sinh, lán lợp tôn kim loại và một phần ngôi nhà ngang trên phần đất này cho các ông T, Ông T4, bà G, bà G1, ông S quản lý, sử dụng chung là phù hợp hiện trạng sử dụng đất và mục đích của các đương sự này dùng làm nơi thờ cúng. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn anh

V, chị N tự nguyện giảm số tiền mà ông T, Ông T4, bà G, bà G1, ông S có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho phía bị đơn theo quyết định của bản án sơ thẩm còn là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng là thiện chí và phù hợp quy định của pháp luật.

Các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm xác nhận "Sơ đồ hiện trạng thửa đất 581, tờ bản đồ 05 địa chỉ thửa đất Thôn H, xã C, Huyện V, thành phố Hải Phòng" đính kèm theo bản án sơ thẩm là chính xác về hình thể, kích thước, diện tích, các mặt tiếp giáp.

Tại phiên tòa phúc thẩm quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng phúc thẩm áp dụng khoản 1, 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn để sửa bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn nên cần sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Theo quy định của pháp luật ông Trần Xuân T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Xuân T; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 03/3/2021 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, cụ thể:

"- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T về việc chia thừa kế diện tích 380m^2 đất tại thửa đất số 581 tờ bản đồ 05, địa chỉ Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00346 ngày 08/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng cấp cho anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N.

Anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N được quyền sử dụng, quản lý diện tích đất 108,4m^2 tại thửa đất số 581, tờ bản đồ 05, địa chỉ Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng có các mốc giới 1-2-3-10-11-12-1 và một phần ngôi nhà ngang cùng các tài sản khác có trên diện tích đất này (có sơ đồ kèm theo bản án).

Ông Trần Xuân T, ông Trần Trọng T4, bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1, ông Trần Văn S được quyền sử dụng, quản lý diện tích đất 271,6m^2 số thửa 581 tờ bản đồ 05, địa chỉ Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng có các mốc giới 3-4-5-

6-7-8-9-10-3 cùng một ngôi nhà 01 tầng, bếp, nhà vệ sinh, một phần nhà ngang, lán lợp tôn kim loại trên diện tích đất này (có sơ đồ kèm theo bản án).

Ông Trần Xuân T, ông Trần Trọng T4, bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1, ông Trần Văn S có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

Anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N có trách nhiệm giao lại diện tích 271,6m^2 đất số thửa 581 tờ bản đồ 05, địa chỉ Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng cùng ngôi nhà 01 tầng, bếp, nhà vệ sinh, một phần nhà ngang, lán lợp tôn kim loại trên diện tích đất này cho ông Trần Xuân T, ông Trần Trọng T4, bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1, ông Trần Văn S quản lý, sử dụng.

Ông Trần Xuân T, ông Trần Trọng T4, bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1, ông Trần Văn S, anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N có trách nhiệm liên hệ với Ủy ban nhân dân huyện V, Hải Phòng để thực hiện việc đăng ký lại quyền sử dụng đất tại thửa 581 tờ bản đồ 05, địa chỉ Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng.

Ủy ban nhân dân huyện V có trách nhiệm đăng ký lại quyền sử dụng tại thửa 581 tờ bản đồ 05, địa chỉ Thôn H, xã C, huyện V, Hải Phòng cho ông Trần Xuân T, ông Trần Trọng T4, bà Trần Thị G, bà Trần Thị G1, ông Trần Văn S, anh Trần Văn V và chị Bùi Thị N khi họ có yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Ông Trần Xuân T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND thành phố Hải Phòng;*
- *VKSND thành phố Hải Phòng;*
- *Cục THADS thành phố Hải Phòng;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, phòng HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Điều Văn Hằng